TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19/7/2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Thu và ông Nguyễn Hà Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Việt Phúc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh, Kiểm sát viên

Ngày 19/7/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2023/TLST-HNGĐ ngày 14/02/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H sinh năm 1994; địa chỉ xóm 1, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Bị đơn: Anh Đinh Công B sinh năm 1998; địa chỉ xóm 1, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2023, bản tự khai ngày 03/4/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn là chị H trình bày: Chị H và anh B tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Y ngày 28/8/2018. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc; từ tháng 5/2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B chơi bời, dẫn đến vợ chồng đánh cãi chửi nhau và cũng từ tháng 5/2022 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau; nay tình cảm vợ chồng không còn, nên chị H xin được ly hôn với anh B. Về con, vợ chồng có 02 con là cháu Đinh Công V sinh ngày 23/11/2018 hiện nay cháu V đang ở cùng với anh B và cháu Đinh Minh N sinh ngày 27/11/2017 hiện nay cháu N đang ở cùng với chị H; chị H đề nghị giao cháu V cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu V trưởng thành đủ 18 tuổi; giao cháu N cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi; hai bên

không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản, vợ chồng không có tài sản; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Đối với anh B, Tòa án đã triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh B đều vắng mặt; nên không có lời khai của anh B trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đối với vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; xác định đúng tư cách đương sự; đã tiến hành thông báo, xác minh, mở phiên họp và thời hạn xét xử đúng quy định. Bị đơn không chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H quyết đinh:

- Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Đinh Công B.

- Về con: Giao cháu Đinh Công V sinh ngày 23/11/2018 cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Đinh Minh N sinh ngày 27/11/2019 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành tự lập được; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom cho chung.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Chị H khởi kiện "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh B, việc khởi kiện của chị H được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh B cư trú tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa bị đơn là anh B vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh B.

[2] Về yêu cầu ly hôn:

Chị H và anh B tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Yngày 28/8/2018; tại thời điểm kết hôn chị H và anh B đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình; nên hôn nhân giữa chị H và anh B là hợp pháp.

Lý do ly hôn theo chị H khai; anh B chơi bời, dẫn đến vợ chồng đánh cãi chửi nhau và từ tháng 5/2022 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Đối với anh B Tòa án đã triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh B không đến Tòa án làm việc, để Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải về quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị H với anh B.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh B trong thời gian qua đã không còn yêu thương quý trọng nhau, không quan tâm chăm sóc giúp đỡ nhau; dẫn đến hôn nhân giữa chị H và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, cho chị H và anh B ly hôn.

[3] Về nuôi con: Chị H và anh B có 02 con là cháu Đinh Công V sinh ngày 23/11/2018 và cháu Đinh Minh N sinh ngày 27/11/2017. Xét thấy kể từ khi chị H và anh B sống ly thân nhau cho đến nay, cháu V đang ở cùng với bố là anh B, còn cháu N đang ở cùng với mẹ là chị H. Nên chấp nhận yêu cầu của chị H; giao cháu V cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu V trưởng thành đủ 18 tuổi; giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[4] Về tài sản: Chị H trình bày vợ chồng không có tài sản; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

[5] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về ly hôn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, cho chị Nguyễn Thị H và anh Đinh Công B ly hôn; quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh B chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Về con: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H; giao cháu Đinh Công V sinh ngày 23/11/2018 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu V trưởng thành đủ 18 tuổi; giao cháu Đinh Minh N sinh ngày 27/11/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Chị H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu V được sống chung với anh B và chị H có quyền được thăm nom, chăm sóc cháu V; anh B không được cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc cháu V.

Anh B có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu N được sống chung với chị H và anh B có quyền được thăm nom, chăm sóc cháu N; chị H không được cản trở anh B trong việc thăm nom, chăm sóc cháu N.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lại thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005658 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, chị H đã nộp đủ án phí về việc ly hôn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- UBND xã Yên Phong
- Chi cục thi hành án
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ